

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST
Ngày: 05 / 9 / 2019
“V/v tranh chấp về hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm;
2. Ông Tôn Phước Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04, 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 460/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc “tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 262/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Quốc T, sinh năm 1984; địa chỉ: số 149, tổ 3, ấp A, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1965; địa chỉ: số 149, tổ 3, ấp A, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã M chứng nhận ngày 28/3/2019); có mặt.

Bị đơn:

- Bà Hồ Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp A, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Lê Bửu H, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp A, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1965; địa chỉ: số 149, tổ 3, ấp A, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2018 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, bà Nguyễn Thị Quốc T mở Cửa hàng kinh doanh mua bán vật tư nông nghiệp, hạt giống Nguyễn Thị Quốc T (sau đây được viết tắt là Cửa hàng Nguyễn Thị Quốc T), có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Bà O là người trực tiếp thực hiện các giao dịch mua bán, trao đổi, giao nhận hàng và lập các biên nhận nợ, sổ sách liên quan đến các hoạt động tại Cửa hàng Nguyễn Thị Quốc T.

Vào khoảng năm 2015, vợ chồng ông H, bà N đến Cửa hàng Nguyễn Thị Quốc T mua vật tư nông nghiệp về để bán lại cho nông dân, theo hình thức gởi đầu. Qua các lần mua bán, người nhận hàng có khi là ông H, có khi là bà N, địa điểm nhận hàng tại nhà của ông H. Mỗi lần giao hàng, bà O lập 02 toa hàng giống nhau, bà O giữ 01 toa, bên mua giữ 01 toa, có ký nhận. Mỗi lần ông H, bà N trả tiền hàng đều có ghi số tiền trả cụ thể vào 02 toa hàng. Đến đầu năm 2017, ông H, bà N chậm trả tiền hàng nên Cửa hàng Nguyễn Thị Quốc T không tiếp tục bán hàng cho ông H, bà N.

Ngày 13/6/2017, bà O với vợ chồng ông H, bà N lập biên nhận nợ chốt lại số tiền nợ với nội dung “Hò Thị N và Lê Bửu H còn nợ tiền vật tư nông nghiệp 332.106.000 đồng”. Tuy nhiên, biên nhận nợ chỉ có bà N ký tên. Theo biên nhận nợ, bên nhận nợ phải chịu lãi suất 2%/tháng và không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Biên nhận nợ do bà N viết và ký tên, ghi họ tên. Sở dĩ, biên nhận nợ có tên ông Lê Bửu H nhưng không có chữ ký của ông H là do khi chốt nợ chỉ có bà N đến Cửa hàng Nguyễn Thị Quốc T để chốt số nợ.

Đến nay, ông H, bà N vẫn còn nợ lại Cửa hàng Nguyễn Thị Quốc T số tiền 332.106.000 đồng. Vì vậy, bà T yêu cầu vợ chồng ông H, bà N trả số nợ mua hàng 332.106.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 13/6/2017 đến ngày Tòa án xét xử.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm: Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 71/2018/QĐST-DS ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới; giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của Nguyễn Thị Quốc T do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Chợ Mới cấp (bản photo); biên nhận nợ ngày 13/6/2017 đề họ tên bên nhận nợ là Hò Thị N (bản photo).

- Bị đơn ông Lê Bửu H, bà Hò Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tuy nhiên, theo tờ tự khai ngày 12/12/2017 của ông Lê Bửu H, bà Hò Thị

N, biên bản hòa giải ngày 26/12/2017 do Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới lập (được sao chụp từ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 354/2017/TLST-DS ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới), ông H, bà N cho rằng, ông H, bà N có đến Cửa hàng Nguyễn Thị Quốc T mua nhiều mặt hàng như phân bón, thuốc trừ sâu để bán lại cho nông dân. Theo đó, bà O giao hàng theo toa đặt hàng thực tế của bà N và ông H. Sau đó, bà N, ông H có khi trả tiền mặt, có khi ký nợ theo toa đặt hàng nhưng đều có thanh toán tiền trước khi đặt toa hàng mới. Đối với toa hàng có trả tiền mặt thì bà O không tính lãi suất, những toa hàng ký nợ thì bà O tính lãi suất từ 2% - 3% trên tổng số tiền theo toa đặt hàng.

Do việc kinh doanh không thuận lợi nên ông H, bà N với bà O có kết sổ nợ tạm tính đến ngày 04/6/2015. Theo đó, ông H, bà N còn nợ bà O số tiền 210.826.508 đồng. Trong số tiền này, ông H, bà N có trả cho bà O nhiều lần, mỗi lần trả với số tiền khác nhau nhưng bà O không khấu trừ vào biên nhận và bà O đã tính lãi trên các đơn hàng với mức lãi suất từ 2% - 3%. Vì vậy, ông H, bà N không đồng ý trả số tiền còn nợ 332.106.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim O khai, thống nhất với trình bày của nguyên đơn và xác định ông H, bà N có mua vật tư nông nghiệp của Cửa hàng Nguyễn Thị Quốc T và nợ lại số tiền 332.106.000 đồng như bà T khởi kiện.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

Bên cạnh đó, bà T, bà O còn khai, vào ngày 04/6/2015, bà O đã chốt nợ với ông H 01 lần với nội dung như biên nhận nợ ngày 04/6/2015 do Tòa án thu thập. Sau đó, do ông H, bà N tiếp tục mua hàng và nợ lại nên ngày 13/6/2017, hai bên chốt nợ lần thứ hai với số tiền nợ mua hàng của ông H, bà N là 332.106.000 đồng. Khi thỏa thuận mua bán, hai bên không thỏa thuận tiền lãi chậm trả.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông H, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ông H, bà N đến Cửa hàng Nguyễn Thị Quốc T mua hàng và còn nợ lại số tiền 332.106.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 13/6/2017. Bên cạnh đó, mặc dù ông H không ký tên vào biên nhận nợ nhưng quan hệ mua bán được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông H với bà N. Ông H, bà N chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T. Vì vậy, việc bà T kiện yêu cầu bà N, ông H liên đới trả nợ mua hàng, lãi chậm trả kể từ ngày 13/6/2017 là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự và Điều 306 Luật Thương mại.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự, các Điều 50, 55, 306 Luật Thương mại và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; buộc ông H, bà N liên đới trả cho bà T số tiền 332.106.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 13/6/2017 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] Về loại án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Quốc T khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị N và ông Lê Bửu H trả số tiền nợ mua bán vật tư nông nghiệp, Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự “tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ thể hiện ông Lê Bửu H có đăng ký kinh doanh. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52I8005513, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 19/9/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ I ngày 05/10/2015, ông H có đăng ký ngành nghề kinh doanh mua bán phân bón, thuốc thuốc bảo vệ thực vật, lúa, gạo.

Do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận cho nên Tòa án xác định lại loại án và quan hệ pháp luật tranh chấp là vụ án kinh doanh thương mại về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Do bà N, ông H cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hồ Thị N, ông Lê Bửu H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N,

ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[4] Về việc giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán tài sản:

Bà T, bà O, bà N, ông H khai thống nhất, bà N, ông H đã nhiều lần đến Cửa hàng Nguyễn Thị Quốc T mua phân bón, thuốc trừ sâu và nợ lại nhiều lần. Việc xác lập hợp đồng mua bán giữa Cửa hàng Nguyễn Thị Quốc T với bà N, ông H phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 nên phát sinh giá trị pháp lý.

Về việc thực hiện hợp đồng, bà T, bà O khai, do ông H, bà N nợ tiền mua hàng nhưng không trả nên vào ngày 04/6/2015, bà O (đại diện cho Cửa hàng) đã chốt nợ với ông H với nội dung như biên nhận nợ ngày 04/6/2015 do Tòa án thu thập. Sau đó, do ông H, bà N tiếp tục mua hàng và nợ lại nên ngày 13/6/2017, hai bên chốt nợ lần thứ hai với số tiền nợ mua hàng của ông H, bà N là 332.106.000 đồng.

Theo tờ tự khai ngày 12/12/2017, biên bản hòa giải ngày 26/12/2017 do Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới lập (được trích lục trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 354/2017/TLST-DS ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới), ông H, bà N cho rằng, khi kết sổ với bà O vào ngày 04/6/2015, ông H, bà N còn nợ bà O số tiền 210.826.508 đồng. Sau đó, ông H, bà N có trả cho bà O nhiều lần, với số tiền mỗi lần khác nhau nhưng bà O không khấu trừ vào biên nhận và bà O đã tính lãi trên các đơn hàng với mức lãi suất từ 2% - 3%.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo số 790/TB-TA ngày 11/6/2019 yêu cầu bà N, ông H cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình nhưng ông H, bà N không thực hiện. Trong khi đó, biên nhận nợ ngày 13/7/2017 do bà T cung cấp, thể hiện ông H, bà N nợ 332.106.000 đồng và được lập sau biên nhận ngày 04/6/2015 nên đã thay thế nội dung biên nhận ngày 04/6/2015. Đồng thời, bà T, bà O xác định số tiền nợ 332.106.000 đồng không bao gồm tiền lãi. Vì vậy, có căn cứ xác định ông H, bà N mua vật tư nông nghiệp của Cửa hàng Nguyễn Thị Quốc T và nợ lại số tiền 332.106.000 đồng.

[5] Về việc trả nợ mua bán sau khi chốt sổ nợ:

Ông H, bà N khai, sau khi lập biên nhận nợ ngày 04/6/2015, ông H, bà N có trả cho bà O nhiều lần, mỗi lần trả với số tiền khác nhau nhưng bà O không khấu trừ vào biên nhận và bà O đã tính lãi trên các đơn hàng với mức lãi suất từ 2% - 3% nên không đồng ý trả số tiền còn nợ 332.106.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong khi đó, bà T, bà O xác định, sau khi lập biên nhận nợ ngày 13/6/2017, bà T, bà O chưa nhận bất kỳ khoản tiền nào do ông H, bà N trả như ý kiến của bà N, ông H. Đồng thời, bà N, ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả nợ. Vì vậy, có căn cứ xác định ông H, bà N còn nợ bà T tiền mua vật tư nông nghiệp là 332.106.000 đồng; không có

căn cứ xác định bà N, ông H đã trả một phần nợ cho bà T.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà T yêu cầu ông H, bà N liên đới trả dứt điểm một lần số nợ mua vật tư nông nghiệp 332.106.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ 13/6/2017 đến ngày tòa án xét xử.

Do ông H, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà T khởi kiện yêu cầu trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

Về yêu cầu tính lãi, do bà N, ông H chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà T yêu cầu trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Theo mức lãi suất nợ quá hạn của các Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, Ngân hàng Thương mại cổ phần C, Ngân hàng Thương mại cổ phần A có Phòng giao dịch tại huyện Chợ Mới công bố ngày 05/9/2019, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình đối với khoản vay tương ứng trên thị trường là 16,245%/năm (1,353%/tháng). Cho nên, ông H, bà N phải thanh toán lãi chậm trả là:

$332.106.000 \text{ đồng} \times 26,73 \text{ tháng} \times 1,353\%/\text{tháng} = 120.108.400 \text{ đồng}.$

Tổng số nợ mà ông H, bà N phải thanh toán cho bà T đến ngày 05/9/2019 là: $332.106.000 \text{ đồng} + 120.108.400 \text{ đồng} = 452.214.400 \text{ đồng}.$

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà N và ông H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà T là 22.088.500 đồng.

Bà T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí 8.302.000 đồng mà bà T đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 4, 24, 50, 306 của Luật Thương mại năm 2005; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quốc T.

Buộc bà Hồ Thị N, ông Lê Bửu H trả cho bà Nguyễn Thị Quốc T số nợ mua bán 452.214.400 (bốn trăm năm mươi hai triệu, hai trăm mười bốn nghìn, bốn trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Hồ Thị N, ông Lê Bửu H phải chịu 22.088.500 (hai mươi hai triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Quốc T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyễn Thị Quốc T số tiền tạm ứng án phí 8.302.000 (tám triệu, ba trăm lẻ hai nghìn) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/00005134 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Nguyễn Thị Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim O có quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Hồ Thị N, ông Lê Bửu H được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Chí Bình